

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03-3-2025

"V/v xin ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm

Ông Trương Công Minh

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Chương - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 684/2024/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2024, về việc Tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Đại T, sinh ngày 04/9/1993.

Địa chỉ: Số 68, đường L, khóm 5, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Chị Lê Thị Kỳ D, sinh ngày 02/6/1993.

Địa chỉ: Số 68, đường L, khóm 5, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Trần Đại T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Trần Đại T và chị Lê Thị Kỳ D đăng ký kết hôn vào ngày 11/01/2017, tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2017. Hôn nhân tự nguyện. Thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không quan tâm, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau. Sự việc vợ chồng mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân khoảng 03 tháng. Anh T xác

định hiện không còn tình cảm với chị D, nên giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh Trần Đại T và chị Lê Thị Kỳ D có 02 người con chung tên Trần P1, sinh ngày 06/8/2018; Trần Hiếu Phương, sinh ngày 23/6/2021. Khi ly hôn, anh T yêu cầu giao 02 người con chung chị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/01 người con chung.

Về tài sản chung: Anh Trần Đại T xác định anh và chị Lê Thị Kỳ D tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Trần Đại T xác định anh và chị Lê Thị Kỳ D tự không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Kỳ D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kỳ D và anh Trần Đại T đăng ký kết hôn vào ngày 11/01/2017, tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2017. Hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thời gian phát sinh khoảng 01 năm, tuy nhiên không lớn. Sự việc vợ chồng mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Tuy nhiên, hiện chị D còn tình cảm với anh T nên không đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Lê Thị Kỳ D và anh Trần Đại T có 02 người con chung tên Trần P1, sinh ngày 06/8/2018; Trần Hiếu Phương, sinh ngày 23/6/2021. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung. Chị D yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/01 người con chung.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị Kỳ D xác định chị và anh Trần Đại T tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lê Thị Kỳ D xác định chị và anh Trần Đại T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Trần Đại T và chị Lê Thị Kỳ D đăng ký kết hôn vào ngày 11/01/2017, tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2017. Hôn nhân tự nguyện. Tại phiên tòa, anh T xác định không còn tình cảm với chị D và kiên quyết xin ly hôn với chị D. Đối với chị D xác định hiện còn tình cảm với anh T nên không đồng ý ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa cả anh T và chị

D đều xác định, thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã xảy ra hơn một năm nay. Sự việc mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Hội đồng xét xử thấy hiện anh T và chị D đã ly thân, mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T ly hôn với chị D.

[2] Anh Trần Đại T và chị Lê Thị Kỳ D có 02 người con chung tên Trần P1, sinh ngày 06/8/2018; Trần Hiếu Phương, sinh ngày 23/6/2021. Khi ly hôn, anh T yêu cầu giao 02 người con chung cho chị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng/01 người con chung. Xét yêu cầu của nguyên đơn được bị đơn đồng ý, phù hợp với nguyện vọng con chung và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Do đó cần giao cháu Trần P1 và cháu Trần Hiếu Phương cho chị Lê Thị Kỳ D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Đại T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/01 người con chung. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Định kỳ cấp dưỡng hằng tháng.

[3] Về tài sản chung: Anh Trần Đại T và chị Lê Thị Kỳ D xác định anh, chị tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Anh Trần Đại T và chị Lê Thị Kỳ D xác định anh, chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ NQ số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đại T, cho anh Trần Đại T ly hôn với chị Lê Thị Kỳ D.

Về con chung: Giao 02 người con chung tên Trần P1, sinh ngày 06/8/2018 và Trần Hiếu Phương, sinh ngày 23/6/2021 cho chị Lê Thị Kỳ D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Đại T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/01

người con chung. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Định kỳ cấp dưỡng hằng tháng.

Anh Trần Đại T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Đại T phải nộp 300.000 đồng. Ngày 19/12/2024, ông Tài có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009972, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu nộp Ngân sách nhà nước.

Án phí cấp dưỡng nuôi con, anh Trần Đại T phải nộp 300.000 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thắm

